

CHÍNH PHỦ
Số: 28/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Luật sư

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội về việc thi hành Luật Luật sư;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

TIÊU CHUẨN LUẬT SƯ

Điều 1. Bằng cử nhân luật

Người có bằng cử nhân luật quy định tại Điều 10 của Luật Luật sư là người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật do Cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp hoặc có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật do Cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 2. Cơ sở đào tạo nghề luật sư

1. Cơ sở đào tạo nghề luật sư thuộc Bộ Tư pháp và Cơ sở đào tạo nghề luật sư thuộc Tổ chức luật sư toàn quốc có nhiệm vụ đào tạo nghề luật sư.

2. Cơ sở đào tạo nghề đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được đào tạo nghề luật sư:

- a) Có đội ngũ cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện mục tiêu, chương trình đào tạo nghề luật sư;
- b) Có chương trình đào tạo, giáo trình phù hợp với chương trình khung về đào tạo nghề luật sư;
- c) Có trường sở, tài chính, thiết bị phục vụ dạy và học.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, thủ tục thành lập cơ sở đào tạo nghề luật sư.

3. Chỉ có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư do cơ sở đào tạo nghề luật sư của Bộ Tư pháp, Tổ chức luật sư toàn quốc cấp hoặc do cơ sở đào tạo nghề luật sư của nước ngoài cấp, được Bộ trưởng Bộ Tư pháp

công nhận mới có giá trị theo quy định tại Điều 12 của Luật Luật sư.

Chương II

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 3. Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư gồm những nội dung chính sau đây:

1. Tên văn phòng luật sư, công ty luật;
2. Địa chỉ trụ sở;
3. Họ, tên, địa chỉ thường trú của luật sư Trưởng văn phòng luật sư hoặc luật sư chủ sở hữu (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc các luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);
4. Họ, tên của người đại diện theo pháp luật (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);
5. Lĩnh vực hành nghề.

Bộ Tư pháp quy định mẫu Giấy đề nghị đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 4. Điều lệ Công ty luật

Điều lệ công ty luật gồm những nội dung chính sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở;
2. Loại hình công ty luật;
3. Lĩnh vực hành nghề;
4. Họ, tên, địa chỉ thường trú của luật sư chủ sở hữu (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên) hoặc các luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);
5. Quyền và nghĩa vụ của luật sư chủ sở hữu hoặc các luật sư thành viên;
6. Phần vốn góp của luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);
7. Điều kiện và thủ tục tham gia hoặc rút tên khỏi danh sách luật sư thành viên (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);
8. Cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành;
9. Thể thức thông qua quyết định, nghị quyết; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;
10. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận và trách nhiệm của các luật sư thành viên đối với nghĩa vụ của công ty (đối với công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty luật hợp danh);
11. Các trường hợp tạm ngừng, chấm dứt hoạt động và thủ tục thanh lý tài sản;
12. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty luật.

Điều lệ công ty luật phải có chữ ký của luật sư chủ sở hữu hoặc của tất cả luật sư thành viên.

Điều 5. Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

1. Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư mà Trưởng văn phòng luật sư hoặc Giám đốc công ty luật là thành viên.

Công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà các thành viên của công ty đều là thành viên của một Đoàn luật sư thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có Đoàn luật sư đó.

Công ty luật hợp danh và công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà các thành viên là thành viên của các Đoàn luật sư khác nhau thì đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi có trụ sở của công ty.

2. Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Luật Luật sư.

3. Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật được làm thành 2 bản; một bản cấp cho văn phòng luật sư hoặc công ty luật, một bản lưu tại Sở Tư pháp.

4. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày cấp Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật, Sở Tư pháp gửi bản sao Giấy đăng ký hoạt động cho Cục thuế của địa phương và Bộ Tư pháp.

5. Văn phòng luật sư, công ty luật phải nộp lệ phí đăng ký hoạt động theo mức lệ phí đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, văn phòng luật sư, công ty luật được khắc và sử dụng con dấu của mình theo quy định của pháp luật về con dấu.

Điều 6. Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư có nội dung chính sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở;
2. Lĩnh vực hành nghề;
3. Họ, tên người đại diện theo pháp luật;
4. Họ, tên, địa chỉ nơi thường trú của luật sư thành viên.

Bộ Tư pháp quy định mẫu Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

Điều 7. Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư

1. Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện theo quy định tại Điều 41 của Luật Luật sư. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, tổ chức hành nghề luật sư phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi văn phòng, công ty đặt trụ sở và Đoàn luật sư nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

2. Khi đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng luật sư, công ty luật phải nộp lệ phí đăng ký theo mức lệ phí đăng ký lập chi nhánh của doanh nghiệp.

3. Sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động, chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư được sử dụng con dấu của mình theo quy định của pháp luật về con dấu.

Điều 8. Chuyển đổi Công ty luật trách nhiệm hữu hạn

1. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên có thể chuyển đổi sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có thể chuyển đổi sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Trong trường hợp chuyển đổi từ hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sang hình thức công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên thì Giám đốc công ty luật phải gửi hồ sơ chuyển đổi đến Sở Tư pháp nơi công ty đăng ký hoạt động. Hồ sơ chuyển đổi gồm có:

- a) Đơn đề nghị chuyển đổi trong đó nêu rõ mục đích và lý do chuyển đổi;
- b) Dự thảo Điều lệ của công ty luật mới;
- c) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật mới;
- d) Giấy đăng ký hoạt động đã được cấp.

3. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc giấy tờ chuyển đổi quy định tại khoản 2 của Điều này, Sở Tư pháp phải cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Luật sư.

Điều 9. Thuê luật sư nước ngoài làm việc cho tổ chức hành nghề luật sư

Tổ chức hành nghề luật sư có thể ký kết hợp đồng lao động thuê luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề tại Việt Nam làm việc cho tổ chức mình. Quyền và nghĩa vụ của luật sư nước ngoài làm thuê cho tổ chức hành nghề luật sư được thoả thuận trong hợp đồng phù hợp với Luật Luật sư, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày ký hợp đồng thuê luật sư nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động kèm theo hợp đồng thuê luật sư nước ngoài.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng thuê luật sư nước ngoài, tổ chức hành nghề luật sư phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp nơi đăng ký hoạt động.

Chương III

THÙ LAO LUẬT SƯ THAM GIA TỔ TỤNG TRONG VỤ ÁN HÌNH SỰ

Điều 10. Mức thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự

1. Mức thù lao luật sư tham gia tố tụng trong vụ án hình sự do khách hàng và văn phòng luật sư, công ty luật hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ pháp lý dựa trên các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật Luật sư và được tính theo giờ hoặc tính trọn gói theo vụ việc, nhưng mức cao nhất quy ra giờ không được vượt quá 100.000 đồng/1 giờ làm việc của luật sư.

Thời gian làm việc của luật sư do luật sư và khách hàng thoả thuận.

2. Khuyến khích văn phòng luật sư, công ty luật hoặc luật sư hành nghề với tư cách cá nhân miễn, giảm thù lao luật sư cho những người nghèo, đối tượng chính sách.

Điều 11. Thù lao và chi phí cho luật sư trong trường hợp luật sư tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng

1. Đối với những vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu luật sư thì mức thù lao được trả cho luật sư là 120.000 đồng/1ngày làm việc của luật sư.

2. Thời gian làm việc của luật sư được tính bao gồm:

a) Thời gian gặp người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;

b) Thời gian thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa;

c) Thời gian nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị tài liệu tại cơ quan tiến hành tố tụng;

d) Thời gian tham gia phiên tòa;

đ) Thời gian hợp lý khác để thực hiện việc tham gia tố tụng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

Thời gian làm việc của luật sư phải được cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trực tiếp giải quyết vụ án xác nhận.

3. Ngoài khoản tiền thù lao, trong quá trình chuẩn bị và tham gia bào chữa tại phiên tòa, luật sư được thanh toán chi phí tiền tàu xe, lưu trú theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước.

4. Cơ quan tiến hành tố tụng đã yêu cầu luật sư tham gia tố tụng có trách nhiệm thanh toán theo đúng quy định của Nhà nước về thù lao và các khoản chi phí nêu tại khoản 1, khoản 3 Điều này. Nguồn kinh phí chi trả được dự toán trong ngân sách hàng năm của cơ quan tiến hành tố tụng.

5. Ngoài khoản thù lao và chi phí do cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán, luật sư không được đòi thêm bất cứ khoản tiền nào từ bị can, bị cáo hoặc thân nhân của họ.

Chương IV

THÀNH LẬP, GIẢI THỂ ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 12. Thành lập Đoàn luật sư

1. Tại mỗi tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khi có từ ba người có Chứng chỉ hành nghề luật sư trở lên thì được thành lập Đoàn luật sư.

2. Hồ sơ thành lập Đoàn luật sư bao gồm:

a) Giấy đề nghị thành lập;

b) Danh sách sáng lập viên;

c) Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư của các sáng lập viên;

d) Dự thảo Điều lệ Đoàn luật sư.